

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2026
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/TB-HĐTDVC

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Nội dung và danh mục tài liệu ôn tập vòng 1 kỳ thi dự tuyển viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch thi tuyển viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 2068/QĐ-TĐHHN ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch thi tuyển viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 956/TB-TĐHHN, ngày 03 tháng 03 năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc tuyển dụng viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Thông báo số 2069/TB-TĐHHN, ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Điều chỉnh thông tin tuyển dụng viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2199/QĐ-TĐHHN ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc thành lập Hội đồng Tuyển dụng viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-HĐTDVC ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng Tuyển dụng viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc phê duyệt nội dung và danh mục tài liệu ôn tập thi

vòng 1 kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Hội đồng Tuyển dụng viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thông báo nội dung và danh mục tài liệu ôn tập thi vòng 1 kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội như sau:

Nội dung: Thi kiến thức chung và ngoại ngữ bằng hình thức trắc nghiệm trên máy vi tính.

1. Phần I. Thi kiến thức chung: *Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.*

2. Phần II. Thi Ngoại ngữ

a. Đối với vị trí việc làm cần tuyển dụng: Kế toán viên; Chuyên viên về tài chính; Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực (Kiêm VTVL tổ chức bộ máy, cải cách hành chính); Chuyên viên về Thi đua, khen thưởng; Chuyên viên về hành chính - Văn phòng; Văn thư viên; Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục; Quản lý hoạt động đào tạo; Quản lý học sinh sinh viên, Công tác chính trị tư tưởng; Quản lý chất lượng giáo dục; Chuyên viên về Hợp tác quốc tế; Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo); Chuyên viên về công tác thanh tra (Kiêm VTVL về pháp chế); Giảng viên (giảng dạy môn giáo dục quốc phòng); Công nghệ thông tin hạng III; Thư viện viên hạng III: *Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo.*

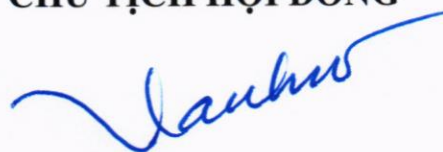
b. Đối với vị trí việc làm cần tuyển dụng: Giảng viên (*Không bao gồm vị trí việc làm tuyển dụng: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ; Giảng viên giảng dạy môn giáo dục quốc phòng tại Khoa Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*): *Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo.*

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thông báo tới các đơn vị, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Hội đồng tuyển dụng;
- Ban giám sát;
- Website Trường;
- Lưu: VT, HĐTD, NVH.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Huỳnh Thị Lan Hương
Q.Hiệu trưởng

PHỤ LỤC 1**Nội dung và danh mục tài liệu ôn tập thi Vòng 1 Kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (Phần thi Kiến thức chung)**

(Đính kèm Thông báo số 06/TB-HĐTDVC, ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2026 Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

- 1. Hình thức thi:** Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.
- 2. Số lượng câu hỏi:** 60 câu.
- 3. Thời gian thi:** 60 phút.
- 4. Áp dụng đối với các VTVL cần tuyển dụng:** Tất cả các VTVL cần tuyển dụng năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Thông báo số 956/TB-TĐHHN ngày 03/3/2026.
- 5. Phương thức làm bài:** Thí sinh làm bài thi dạng bài trắc nghiệm khách quan trên máy vi tính; mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.
- 6. Danh mục tài liệu ôn tập:**
 - 6.1. Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của BCH Trung ương Đảng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
 - 6.2. Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/08/2025 của BCH Trung ương Đảng về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.
 - 6.3 Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 (Luật số 58/2010/QH12).
 - 6.4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 (Luật số 52/2019/QH14).
 - 6.5. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 - 6.6. Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
 - 6.7. Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 ngày 16/6/2025.
 - 6.8. Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

6.9. Quyết định số 5868/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

6.10. Nghị quyết số 75/NĐ-HĐTĐHHN ngày 28/12/2020 của Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

6.11. Nghị quyết số 65/NQ-HĐTĐHHN, ngày 04/10/2023 của Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội ban hành “Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội”.

Các văn bản do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội ban hành: Xem tại website: <http://hunre.edu.vn>

PHỤ LỤC 2

Nội dung và danh mục tài liệu ôn tập thi Vòng 1 Kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (Phần thi ngoại ngữ Tiếng Anh - Trình độ tương đương Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

(Đính kèm Thông báo số 06/TB-HĐTDVC, ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2026 Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

- **Hình thức thi:** Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.
- **Số lượng câu hỏi:** 30 câu;
- **Thời gian thi:** 30 phút.
- **Áp dụng đối với các VTVL cần tuyển dụng:** Kế toán viên; Chuyên viên về tài chính; Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực (Kiêm VTVL tổ chức bộ máy, cải cách hành chính); Chuyên viên về Thi đua, khen thưởng; Chuyên viên về hành chính - Văn phòng; Văn thư viên; Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục; Quản lý hoạt động đào tạo; Quản lý học sinh sinh viên, Công tác chính trị tư tưởng; Quản lý chất lượng giáo dục; Chuyên viên về Hợp tác quốc tế; Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo); Chuyên viên về công tác thanh tra (Kiêm VTVL về pháp chế); Giảng viên (giảng dạy môn giáo dục quốc phòng); Công nghệ thông tin hạng III; Thư viện viên hạng III.

I. Phương thức làm bài:

- Thí sinh được kiểm tra kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng đọc, viết môn Tiếng Anh; dạng bài trắc nghiệm khách quan trên máy vi tính; mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.
- Trình độ tương đương Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Nội dung: Ngoại ngữ dùng trong giao tiếp và nghề nghiệp.
- Giáo trình tham khảo: Life Pre-intermediate (A2-B1), Solutions Pre-intermediate, Destination B1.

II. Nội dung ôn tập

A. Thi của động từ, dạng của động từ, bị động

1. Tenses

- Present simple: states, habits, truths
- Present continuous: actions that are happening at present
- Present perfect simple:
 - Recent past with “*just*”
 - Indefinite past with “*never, ever (experience with ever, never)*”
 - Unfinished past with “*for, since*”
- Past simple: past events/ finished actions in the past
- Past continuous: actions that were happening at a specific moment in the past
- Future with “*going to*”: future plans
- Future with “*will, shall*”

2. Conditional sentences

- Type 1: If + present simple, future simple
- Type 2: If + were/ V-ed, would/wouldn't... + V

3. Modal verbs

- *can* (ability now, request)
- *could* (ability in the past, possibility; polite request, suggestions)
- *should, shouldn't* (advice)
- *have to* (must do smt)
- *may/might* (weak possibility at present or in the future)
- *would* (wishes, preferences)

4. Forms of verbs

- Imperatives
- Infinitives (with and without to) after verbs and adjectives
- Gerunds (-ing form) after verbs and prepositions

5. Verb Patterns

- Gerunds after prepositions
- Verbs followed by the gerund (common only)

- Verbs followed by an infinitive

6. Passive voice

- Affirmative Passive of: Present Simple, Past Simple, Present perfect simple, Past simple;
- Past continuous, Future with going to, Future with will, shall

B. Từ loại

1. Nouns

- Singular and plural nouns (regular and irregular forms)
- Countable and uncountable nouns with some and any
- Compound nouns
- Possessive case with 's & s'

2. Adjectives

- Colors, size, shape, quality, nationality
- Cardinal and ordinal numbers
- Possessive: *my, your, his, her, etc*
- Quantitative: *some, any, many, much, a few, a lot of, every*
- -ing / -ed
- Comparative, equality and superlative (regular and irregular)

3. Adverbs

- Regular and irregular forms of adverbs
- Manner (*quickly, carefully, etc.*)
- Frequency (*often, never, twice a day, weekly, etc.*)
- Definite time (*now, yesterday, already, just, yet, etc.*)
- Degree (with adjectives/adverbs: *very, too, so, quite, so much, a lot, etc.*)
- Place (*here, there, etc.*)
- Sequencing (*first, then, after that, etc.*)
- Certainty (*maybe, perhaps*)
- Attitude, viewpoint (*actually, unfortunately, of course, etc.*)

4. Pronouns

- Personal (subject, object)
- Impersonal: *it, there*
- Demonstrative: *this, that, these, those*
- Indefinite: *something, everybody, some, any, etc.*

5. Articles

- *a/an* + singular countable nouns
- *the* + nouns (singular and plural)/ uncountable nouns

6. Prepositions

- Location: *to, on, inside, next to, at (home), etc.*
- Time: *at, on, in, etc.*
- Direction: *to, into, out of, from, etc.*
- Instrument: *by, with*
- Prepositions following:
 - adjectives: *afraid of, interested in, etc.*
 - verbs: *laugh at, ask for, etc.*

7. Connectors

- *and, but, although*
- *when, while, until, before, after, as soon as*
- *because, since, if, however, so, also*

8. Interrogatives

- *What, What (+ noun)*
- *Where, When*
- *Who, Whose, Which*
- *How; How much; How many; How often; How long*
- *Why*

9. Quantifiers

- *each, all, both, no*

- *all of, some of, both of, many of, any of, each of, (a number) of*

10. Relative clauses

- Defining relative clauses
- Non-defining relative clauses

11. Question tags

- Limited range of question tags

12. Phrasal verbs

13. Sentence structures

- *What + be + the price of + noun?*
- *How much + be + noun? / How much + do/does + noun cost?*
- *show the way to, how to get to*
- *have + noun / There + be + noun*
- *S + be + adj + pre + V*
- *S + V + adverb*
- *spend time + V-ing*
- *It takes/took smb + time + to-V*
- *remember to-V, don't forget to-V*
- *like to-V/ V-ing*
- *be fond of/ keen on + V-ing*
- *It's + adj + to-V*
- *too + adj/adv + to-V*
- *so + adj/adv + that + clause*
- *adj/adv + enough + to-V*
- *Combine sentences using relatives: who, whom, which...*
- *Conditional sentences*
- *Active → Passive*
- *Comparisons*
- *Shall...?*

- *be sure + clause*
 - *Let's...*
 - *What a/an + noun phrase (+ clause)*
-

PHỤ LỤC 3

Nội dung và danh mục tài liệu ôn tập thi Vòng 1 Kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (Phần thi ngoại ngữ Tiếng Anh - Trình độ tương đương Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

(Đính kèm Thông báo số 06/TB-HĐTDVC, ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2026 Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

- **Hình thức thi:** Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

- **Số lượng câu hỏi:** 30 câu;

- **Thời gian thi:** 30 phút.

- **Áp dụng đối với các VTVL cần tuyển dụng:** Giảng viên (*Không bao gồm vị trí việc làm tuyển dụng: Giảng viên Khoa Ngoại ngữ; Giảng viên giảng dạy môn giáo dục quốc phòng tại Khoa Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*).

I. Phương thức làm bài

• Thí sinh được kiểm tra kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng đọc, viết môn Tiếng Anh; dạng bài trắc nghiệm khách quan trên máy vi tính; mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.

- Trình độ tương đương bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Nội dung: Ngoại ngữ dùng trong giao tiếp và nghề nghiệp.
- Giáo trình tham khảo: Life Intermediate (B1-B2), Solutions Intermediate, Destination B2.

II. Nội dung ôn tập

A. Thì của động từ, dạng của động từ, bị động

1. Tenses

- Present simple: states, habits, general truths, scheduled events
- Present continuous: actions happening now, temporary situations, future arrangements

- Present perfect simple: recent past with just, indefinite past with never/ever, unfinished past with for/since, result in present
- Present perfect continuous: actions started in the past and still continuing, emphasis on duration
- Past simple: completed actions in the past
- Past continuous: actions in progress at a specific time in the past
- Past perfect simple: actions completed before another past action
- Past perfect continuous: duration of an action up to a point in the past
- Future with "will/shall": predictions, spontaneous decisions, promises
- Future with "going to": planned intentions, predictions based on evidence
- Future continuous: actions in progress at a specific time in the future
- Future perfect: actions completed before a specific time in the future

2. Conditional sentences

- Type 0: If + present simple, present simple (general truths)
- Type 1: If + present simple, future simple (real/possible conditions)
- Type 2: If + past simple, would/could/might + V (unreal present/future)
- Type 3: If + past perfect, would/could/might + have + past participle (unreal past)
- Mixed conditionals: combining different types for complex meanings
- Unless = If...not

3. Modal verbs

- *can/could* (ability, possibility, permission, request)
- *may/might* (possibility, permission)
- *must/have to* (obligation, necessity)
- *should/ought to* (advice, recommendation)
- *need/needn't* (necessity)
- *would* (past habit, preference, hypothesis)
- Modal perfect: *must have, could have, should have, might have* (past speculation, criticism)

4. Forms of verbs

- Infinitives (with and without to) after verbs and adjectives
- Gerunds (-ing form) after verbs and prepositions
- Perfect infinitive
- Perfect gerund
- Causative structures: *have/get something done*

5. Verb Patterns

- Verbs followed by gerund only: *enjoy, avoid, consider, suggest, recommend, deny, admit, risk, mind, keep, practice, finish*
- Verbs followed by infinitive only: *want, need, decide, agree, refuse, hope, expect, plan, promise, offer, manage, pretend, tend*
- Verbs followed by both (with different meanings): *remember, forget, stop, try, regret, go on, mean*
- Verbs + object + infinitive: *allow, enable, encourage, force, persuade, remind, warn, advise, teach, tell, ask*

6. Passive voice

- Passive of all tenses: Present Simple, Past Simple, Present Perfect, Past Perfect, Future Simple, Future Perfect, Present Continuous, Past Continuous
- Passive with modals: *can be done, must be done, should be done, etc.*
- Passive infinitive: *to be done*
- Passive gerund: *being done*
- Impersonal passive: *It is said/believed/reported that...*

B. Từ loại

1. Nouns

- Singular and plural nouns (regular and irregular forms)
- Countable and uncountable nouns with quantifiers
- Compound nouns
- Possessive case with *'s & s'*

- Noun suffixes: *-tion, -ment, -ness, -ity, -ance, -ence, -er, -or, -ist*

2. Adjectives

- Comparative, superlative (regular and irregular)
- *-ing/-ed* adjectives
- Order of adjectives
- Adjective suffixes: *-ful, -less, -able, -ible, -ive, -ous, -al, -ic*
- Double comparatives: *the more... the more...*

3. Adverbs

- Manner: *carefully, fluently, accurately, etc.*
- Frequency: *always, usually, often, rarely, seldom, etc.*
- Degree: *very, extremely, quite, rather, fairly, etc.*
- Viewpoint/attitude: *unfortunately, obviously, apparently, etc.*
- Linking adverbs: *however, moreover, therefore, furthermore, nevertheless, consequently*
- Position of adverbs in sentences

4. Pronouns

- Personal pronouns (subject, object)
- Possessive pronouns and adjectives
- Reflexive pronouns
- Indefinite pronouns: *somebody, anybody, nobody, everyone, etc.*
- Relative pronouns: *who, whom, which, whose, that*

5. Articles

- Definite article: *the*
- Indefinite articles: *a/an*
- Zero article
- Articles with proper nouns, abstract nouns, generalizations

6. Prepositions

- Prepositions of time: *at, on, in, during, since, for, by, until*

- Prepositions of place: *at, on, in, above, below, between, among*
- Prepositions following adjectives: *interested in, responsible for, capable of, etc.*
- Prepositions following nouns: *reason for, interest in, effect on, etc.*
- Prepositions following verbs: *depend on, result in, lead to, contribute to, etc.*

7. Connectors

- Coordinating conjunctions: *and, but, or, so, yet, for*
- Subordinating conjunctions: *because, although, while, whereas, unless, provided that, in case, even though, so that*
- Conjunctive adverbs: *however, moreover, therefore, furthermore, nevertheless, consequently, otherwise*
- Correlative conjunctions: *both...and, either...or, neither...nor, not only...but also*

8. Interrogatives

- *What, Which, Who, Whom, Whose*
- *Where, When, Why, How*
- How + adjective/adverb: *How long, How far, How often, How much, How many*
- Indirect questions

9. Quantifiers

- *each, every, all, both, neither, either, none*
- *some, any, no, much, many, little, few, a little, a few*
- *plenty of, a lot of, lots of, most of, several, enough*

10. Relative clauses

- Defining relative clauses with *who, which, that, whose, where, when*
- Non-defining relative clauses with *who, which, whose, where, when*
- Reduced relative clauses (participle clauses)
- Relative clauses with prepositions

11. Question tags

- Question tags with various tenses and modals
- Special cases: *Let's..., shall we?; I am..., aren't I?; Imperatives..., will you?*

12. Phrasal verbs**13. Sentence structures**

- *Active → Passive and vice versa*
 - *Direct speech → Reported speech*
 - *Conditional sentences*
 - *Comparisons: as...as, more...than, the most...*
 - *too...to / so...that / enough...to*
 - *Relative clauses: combining sentences*
 - *It takes/took + time + to V / spend time + V-ing*
 - *Wish sentences*
 - *Suggestion structures: suggest, recommend, advise*
 - *Cause and effect: because/because of, due to, result in/from*
 - *Contrast: although/though/even though, despite/in spite of*
 - *It is said/believed/reported that... / S + is said to...*
-